

1129 Series — BÁNH XE Y TẾ

PPR Bánh xe dẫn điện (đen xám) đường kính bánh xe × chiều rộng bánh xe 100 x 31mm

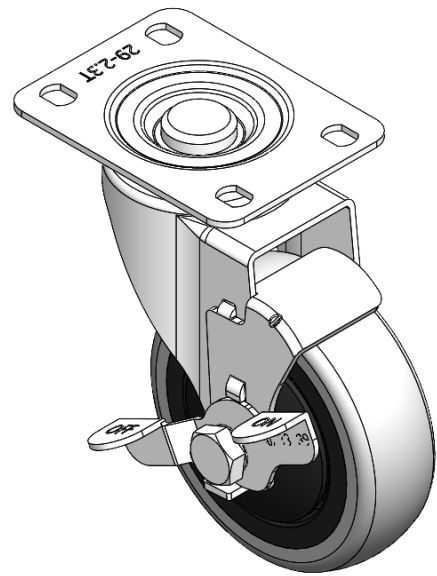
EAN

YJ-X11290400174013

Bánh xe có phanh bên, hệ thống khóa. Đế chân được đóng đinh tán – Lỗ cao cấp  
Bề mặt mạ kẽm, lắp đế  
Lõi bánh xe bằng polypropylene chống va đập, mặt bánh xe bằng chất đàn hồi nhiệt dẻo (TPR)  
Đen xám, ổ trục bánh xe – bi chính xác.

Mặt bánh xe: Cao su nhiệt dẻo đàn hồi (TPR)  
Lõi bánh xe: Được làm bằng polypropylen chống va đập chất lượng cao

Mô tả sản phẩm chỉ mang tính chất tham khảo. Sản phẩm thực tế sẽ được ưu tiên.



Hình ảnh có thể khác với sản phẩm gốc

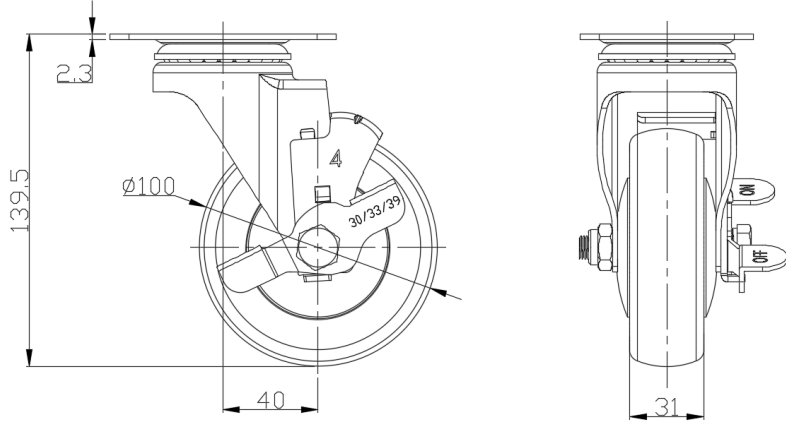
Quy cách chi tiết sản phẩm

|                                                                           |                             |
|---------------------------------------------------------------------------|-----------------------------|
| <input checked="" type="radio"/> đơn vị mét <input type="radio"/> đế quốc |                             |
| Đường kính bánh xe                                                        | 100mm                       |
| Chiều rộng bánh xe                                                        | 31mm                        |
| vòng bi bánh xe                                                           | Bánh xe trang bị vòng bi bi |
| Quy cách tấm lắp                                                          | 95 x 72.5mm                 |
| khoảng cách các lỗ trên tấm nền                                           | 75 x 45mm                   |
| Khoảng cách các lỗ lắp                                                    | 11.3 x 8.8mm                |
| Độ lệch tâm                                                               | 40mm                        |
| Sự can thiệp quay                                                         | 180mm                       |
| Tổng chiều cao                                                            | 139.5mm                     |
| Bán kính xoay                                                             | 90mm                        |
| Độ cứng                                                                   | 82±5° Shore A               |
| Tải trọng (động)                                                          | 100kgs                      |
| Tải trọng (tĩnh)                                                          | 150kgs                      |
| Nhiệt độ                                                                  | -20°C to +60°C              |
| Càng bánh xe                                                              | Khóa bên                    |
| Thép không gỉ                                                             | N/A                         |
| Dẫn điện                                                                  | Y 导电值：10^3~10^5             |
| Chống tĩnh điện                                                           | N/A                         |
| Trọng lượng bánh xe đẩy                                                   | 0.78kgs                     |
| Tiêu chuẩn kiểm nghiệm                                                    | ISO22883                    |

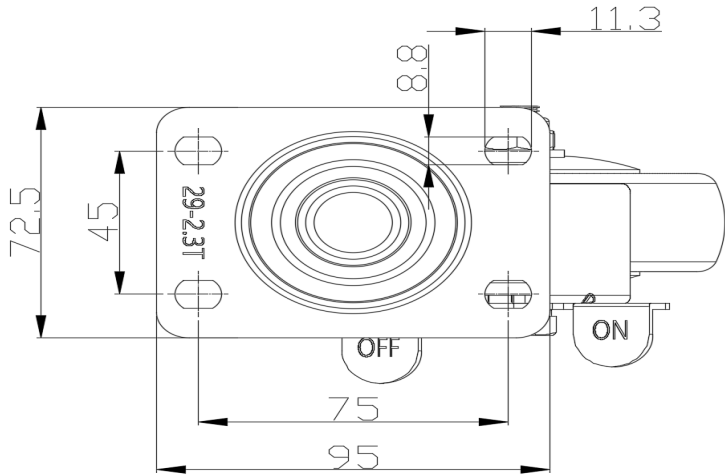
Tổng quan ưu điểm

|                      |           |
|----------------------|-----------|
| Độ di chuyển mượt mà | ● ● ● ● ○ |
| Chế độ im lặng       | ● ● ● ● ○ |
| Bảo vệ mặt sàn       | ● ● ● ● ● |

Bản vẽ 2D kích thước bánh xe đẩy



Bản vẽ 2D kích thước tấm lắp



\* Nếu có bất kỳ sai lệch nào giữa thông số hệ mét và thông số hệ inch, vui lòng tham khảo thông số hệ mét